TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Khách
Ông Phạm Văn Khuyến
- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1997;
Địa chỉ: Thôn p, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1993;
Trú tại: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày*:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L vào ngày 06/4/2018.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

không có sự hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện vợ chồng bà đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị T xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Khả H, sinh năm 2018. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L: Tòa án đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng anh L vắng mặt tại địa phương. Căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 106/2021/TLST-HNGĐ (ngày 16-4-2021), Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (02-6-2021) nhưng anh Nguyễn Thành L vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành L. Theo lời trình bày của chị T và xác minh tại địa phương thì có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L có mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Giao con chung là Nguyễn Phạm Khả H, sinh năm 2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; cấp dưỡng tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về con chung với anh Nguyễn Thành L có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 4, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[a] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Xã L vào ngày 06/4/2018.

Theo chị T, hôn nhân giữa chị và anh L phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và hiện cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho chị T các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để chị T đoàn tụ tiếp tục chung sống với anh L. Tuy nhiên, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với anh L, chị T cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh L đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị Tđược ly hôn với anh L.

[b] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Khả H, sinh năm 2018, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Anh L không có ý kiến, yêu cầu đối với các vấn đề chị T khởi kiện. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo môi trường ổn định giúp cháu H phát triển tốt về tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành L. Quan hệ hôn nhân giữ chị Phạm Thị T với anh Nguyễn Thành L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Khả H, sinh năm 2018 cho chị Phạm Thị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012192, quyển số 0244 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Tấn Trường